

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các khoản vay của Công ty bao gồm các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Hải Dương - Hưng Yên, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hải Dương, được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hiệp định và các hợp đồng vay, kế ước vay.

Công ty đã thực hiện đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Hải Dương - Hưng Yên.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là chi phí lãi vay phải trả, được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp nước sạch, doanh thu lắp đặt đường ống, doanh thu khác và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp nước sạch

Doanh thu cung cấp nước sạch được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

+ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu lắp đặt đường ống

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

+ Đối với các hợp đồng xây lắp qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

+ Đối với các hợp đồng xây lắp qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

+ Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

+ Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây lắp không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây lắp đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây lắp.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty các khoản thu khác, được ghi nhận dựa trên phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán khác có liên quan.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn của hoạt động lắp đặt đường ống được xác định dựa trên dự toán của từng công trình, phù hợp với chi phí thực tế phát sinh và doanh thu ghi nhận trong kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với dịch vụ cung cấp nước sạch, 10% đối với các hoạt động lắp đặt đường ống, bán nước đóng chai tinh khiết.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

1. Tiền

	31/12/2017	01/04/2017
	VND	VND
Tiền mặt	950.433.845	1.205.550.008
Tiền gửi ngân hàng	8.014.351.487	113.090.519.704
Cộng	8.964.785.332	114.296.069.712

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/04/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Ban Chỉ đạo dự án quy hoạch Thành phố		198.978.730	198.978.730	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển xây dựng Việt	1.481.734.420	-	1.122.978.020	-
Ban QLDA Đầu tư xây dựng cơ bản TP. Hải Dương	396.087.900	411.031.000	807.118.900	-
Công ty CP Đại An	2.112.506.835	-	1.240.321.885	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Phát triển Nam Việt		223.124.000	223.124.000	-
Công ty Hoà An		110.075.000	110.075.000	-
Công ty CP Đầu tư Thành Đô tại Hải Dương	-		877.049.000	-
Công ty TNHH Hoàn Hảo	356.959.989	-	184.652.199	-
Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	347.087.373	-	347.087.373	-
Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình	33.523.000	549.986.821	583.509.821	-
Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh		390.016.000	390.016.000	-
Ủy ban nhân dân phường Tân Bình	311.603.000	-	311.603.000	-
Chi nhánh Bắc Hà Nội - Công ty CP Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	538.777.200	-	538.777.200	-
Công ty CP Cấp nước Xuân Hưng	1.239.503.580	-	527.705.220	-
Công ty CP Nước sạch Thái Học Long Xuyên	739.669.960	-	552.384.120	-

CÔNG TY CP KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 10 đường Hồng Quang, P. Quang Trung, TP. Hải Dương

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Công ty CP Nước sạch và Vệ sinh nông thôn tỉnh Hải Dương	2.235.317.400	-	2.235.317.400	-
Công ty CP Cấp nước Phúc Hưng Hải Dương	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Các đối tượng khác	4.296.744.656	185.664.644	1.993.655.369	-
Cộng	16.589.515.313	2.068.876.195	14.744.353.237	-

Trong kỳ Công ty chuyển các khoản nợ phải thu khó đòi của các đối tượng nợ lâu năm và khó có khả năng thu hồi được mà các khoản nợ này đã phát sinh từ năm từ năm 2013 trở về trước đến nay Công ty đưa các khoản phải thu này sang chi phí và được loại trừ khi tính thuế TNDN.

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2017 VND	01/04/2017 VND
Ngắn hạn		
Công ty CP đầu tư và PT Vân Giang	560.207.000	-
Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới	58.743.000	-
Công ty CPTB tự động Setfil	217.855.000	65.568.000
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Khánh Đạt		63.950.939
Sở Tài chính vật giá	2.000.000	2.000.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng thương mại Lâm Khánh		-
Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ môi trường		-
Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường	44.523.000	-
Cửa hàng điện tử-DL Thanh Cẩm		-
Công ty cổ phần thiết bị điện VDT		-
Trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao		-
Cộng	883.328.000	131.518.939

4. Phải thu khác

	31/12/2017 VND		01/04/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu khác	19.270.648.642	-	24.739.301.720	-
Nguyễn Thanh Sơn	-	-	439.507.756	-
Ban QLDA dự án ODA (*)	10.075.084.950	-	10.075.084.950	-
Lê Văn Tươi (**)	5.820.161.376	-	6.807.753.872	-
Nguyễn Bá Quyết	-	-	1.450.914.355	-
Vũ Bá Long		-	-	-

CÔNG TY CP KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 10 đường Hồng Quang, P. Quang Trung, TP. Hải Dương

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Nguyễn Văn Phụng	-	3.954.590.314	-
Nguyễn Đức Dũng	1.493.070.383	-	1.573.070.383
Nguyễn Văn Thạnh	1.327.604.960	-	200.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	160.299.532
Mạc Huy Hoàng	73.868.164	-	78.080.558
Công ty cổ phần xây lắp 3	480.856.700	-	-
Công ty CP đầu tư phát triển Vân Giang	-	-	-
Các đối tượng khác	2.109	-	-
Tạm ứng	-	-	228.588.044
Lê Như Hải	-	-	25.000.000
Nguyễn Anh Đức	-	-	20.000.000
Nguyễn Hữu Phê	-	-	50.000.000
Nguyễn Văn Thảo	-	-	30.000.000
Phạm Văn Dân	-	-	27.970.000
Các khoản tạm ứng khác	-	-	75.618.044
Cộng	19.270.648.642	-	24.967.889.764

(*): Là khoản phải thu Ban quản lý dự án của Công ty liên quan đến triển khai và thực hiện dự án Ozet. Công ty đang chờ quyết toán cuối cùng của Dự án để tất toán khoản công nợ nêu trên.

(**): Là khoản ứng vốn thi công các công trình của Công ty.

5. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/04/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	36.986.882.475	-	37.668.412.700	-
Công cụ, dụng cụ	611.485.970	-	949.285.970	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	360.501.046	-	1.294.710.225	-
Thành phẩm	10.360.932	-	7.233.316	-
Cộng	37.969.230.423	-	39.919.642.211	-

6. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/04/2017
	VND	VND
Chi phí xây dựng dở dang dài hạn		
Lắp đặt đặt bổ sung máy bơm trạm 1, 2 nâng CS 20.000-40.000m3	4.611.824.546	4.611.824.546

CÔNG TY CP KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 10 đường Hồng Quang, P. Quang Trung, TP. Hải Dương

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Xây dựng tuyến ống truyền tải công nghệ sạch các xã nông thôn huyện Bình Giang		5.748.411.267
Xây dựng hệ thống cấp nước xã Cộng Hòa - Chí Linh		4.378.944.733
Xây dựng hệ thống cấp nước xã Hoàng Tiến - Chí Linh	7.538.346.401	3.140.068.391
Xây dựng tuyến ống D315 từ trạm cấp nước Cẩm Giàng đến Khu công nghiệp Phúc Điền		3.992.881.071
Tuyến ống truyền tải nâng cao năng lực D500 từ trạm II VH đến Cẩm Khê		4.163.043.423
Cải tạo thay thế máy bơm trạm bơm 1		2.954.454.455
Xây dựng tuyến ống truyền tải D225 nâng cao năng lực cấp nước cho xã Thái Dương	3.145.410.382	2.327.524.708
Mua sắm thiết bị tổ hợp sản xuất Javen từ muối ăn	1.628.636.363	1.628.636.363
Xây dựng hệ thống cấp nước xã Hoàng Tân- Chí Linh	3.106.399.575	
XD tuyến ống DN 500 Cầu Cẩm Khê ngã tư Lai Cách	7.663.877.136	
Bể lọc 6000m3 XNVH	2.954.454.445	
Tuyến ống D400-315 NCNL TTO Tứ Cường	1.283.502.831	
XD tuyến ống D225 NCLL cho xã Thái Dương	3.145.410.382	
XD tuyến ống D355 Hồ Mật Sơn	4.578.685.006	
XD cụm bể lamen CS 15,000m3ng/đêm XNVH	2.150.660.683	
XD tuyến ống nước thô D710 NCNL truyền tải NM Việt Hòa	4.526.477.460	
Các công trình khác	686.418.108	4.608.396.232
Cộng	47.020.103.318	43.105.810.555

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Số dư ngày 01/04/2017	82.000.000	13.125.985.826	13.207.985.826
Giảm khác	-	13.125.985.826	13.125.985.826
Số dư ngày 31/12/2017	82.000.000		82.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/04/2017	82.000.000	12.897.051.926	12.979.051.926
Khấu hao trong kỳ	-	228.933.900	228.933.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Giảm trong kỳ		13.125.985.826	
Số dư ngày 31/12/2017	82.000.000	-	82.000.000
Giá trị còn lại			-
Tại ngày 01/04/2017	-	228.933.900	228.933.900
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 82,000,000 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm do điều chuyển sang nguyên giá TSCĐ hữu hình: 13,125,985,826 VND

8. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/04/2017
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.308.295.930	1.185.781.226
Chi phí cải tạo, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định		988.616.536
Cộng	1.308.295.930	2.174.397.762

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình
Sheet ngang**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

10. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		Trong kỳ		01/04/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	4.536.005.025	4.536.005.025	4.865.290.053	16.863.160.174	16.533.875.146	16.533.875.146
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>3.833.229.279</i>	<i>3.833.229.279</i>	<i>4.865.290.053</i>	<i>10.321.230.950</i>	<i>9.289.170.176</i>	<i>9.289.170.176</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương (1)	3.833.229.279	3.833.229.279	4.865.290.053	10.321.230.950	9.289.170.176	9.289.170.176
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>702.775.746</i>	<i>702.775.746</i>	<i>-</i>	<i>6.541.929.224</i>	<i>7.244.704.970</i>	<i>7.244.704.970</i>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Hải Dương - Hưng Yên (2)	702.775.746	702.775.746	-	6.541.929.224	7.244.704.970	7.244.704.970
Vay dài hạn	394.889.204.939	394.889.204.939	34.770.219.081	42.658.515.387	402.777.501.245	402.777.501.245
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Hải Dương - Hưng Yên (2)	232.000.216.328	232.000.216.328	13.004.093.326	6.197.714.633	225.193.837.635	225.193.837.635
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển - CN Hải Dương (3)	19.683.000.000	19.683.000.000	-	9.000.000.000	28.683.000.000	28.683.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương (4)	143.205.988.611	143.205.988.611	21.766.125.755	27.460.800.754	148.900.663.610	148.900.663.610
Cộng	399.425.209.964	399.425.209.964	39.635.509.134	59.521.675.561	419.311.376.391	419.311.376.391

(1) Vay theo Hợp đồng tín dụng số 17.01/CNHD9/2017/HBTDHM/KDNS ngày 17/01/2017 với hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng duy trì từ ngày 17/01/2017 đến ngày 31/07/2017. Lãi suất cho vay là 9%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký Hợp đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 1 tháng một lần, lãi phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn. Khoản tín dụng được cấp không có bảo đảm bằng tài sản.

(2): Khoản vay ODA:

- Khoản vay ODA do chính phủ Nhật Bản tài trợ. Khoản vay này do Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Hải Dương - Hưng Yên giải ngân theo hợp đồng vay vốn ODA số 01/2004/TDNN ngày 24/03/2004. Tổng giá trị khoản vay là 40.471.937.000 VND với lãi suất vay là 0,45%/tháng, thời hạn vay 30 năm, trong đó ân hạn 5 năm đầu. Khoản vay được bảo đảm theo hình thức tín chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- Khoản vay ODA do chính phủ Hà Lan tài trợ. Khoản vay này do Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Hải Dương - Hưng Yên giải ngân theo hợp đồng vay vốn ODA số 01/2008/HDDDA -NHPVTN ngày 12/11/2008. Tổng giá trị khoản vay tối đa là 8.588.681 EUR tương đương 189.380.416.000 VND. Mục đích vay: đầu tư các hạng mục của dự án " Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Thành Phố Hải Dương giai đoạn 2006 -2010". Thời hạn vay là 25 năm, trong đó thời hạn ân hạn là 08 năm tính từ 01/04/2008. Nợ gốc được trả vào 01/04 và 01/10 hàng năm, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 01/04/2016. Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay; lãi suất cho vay 0%, trường hợp nợ quá hạn sẽ áp dụng lãi chậm trả.

(3): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng số 0804/HĐTD-NS ngày 08/04/2009. Tổng giá trị khoản vay tối đa là 101.500.000.000 VND với lãi suất vay thả nổi. Thời hạn cho vay là 10 năm, trong đó thời gian ân hạn là 2 năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Mục đích khoản vay là xây dựng Nhà máy nước công suất 20.000 m3/ngày thuộc Dự án cấp nước Thành Phố Hải Dương giai đoạn 2006-2010.

(4): Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương:

- Theo hợp đồng tín dụng số 10616666 HĐTD-NHCTHD ngày 10/03/2010. Tổng giá trị khoản vay là 40.500.000.000 VND với lãi suất vay thay đổi theo từng thời điểm và được ngân hàng Công thương thông báo bằng Văn bản. Thời hạn cho vay là 97 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 7 tháng. Mục đích vay là để mua sắm vật tư, thiết bị công nghệ bằng nguồn vốn đối ứng trong nước thuộc dự án cấp nước Thành phố Hải Dương giai đoạn 2006-2010. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- Theo hợp đồng tín dụng số 15.07.13.038.01/2013 -HĐTDDA/NHCT340-KDNS ngày 29/07/2013. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 18.000.000.000 VND, mục đích sử dụng khoản vay là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư xây dựng tuyến ống nước thô, cải tạo công nghệ, nâng công suất nhà máy nước Việt Hòa. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng 01 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 15.07.13.038.01/HĐTC ngày 29.07/2013 với giá trị tài sản thế chấp là: 28.450.000.000 VND.

- Theo hợp đồng tín dụng số 01/2014 -HĐTDDA/NHCTHAIDUONG-KDNS tháng 1/2014. Tổng giá trị khoản vay tối đa là 82.000.000.000 VND, lãi suất vay thay đổi theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh hàng tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/ năm. Thời hạn cho vay là 60 tháng, ân hạn là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Mục đích khoản vay là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng hệ thống nước sạch các xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Theo hợp đồng tín dụng số 03/2014- HĐTDDA/NHCT340KDNS ngày 24/09/2014. Số tiền cam kết cho vay có tổng giá trị không vượt quá 30.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đầu tiên. Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm. Mục đích của các khoản vay này là để thanh toán chi phí đầu tư xây dựng hợp pháp của Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống nước sạch các xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Các điều khoản đảm bảo được quy định tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 06.09.14.055.01/HĐTC. Tài sản thế chấp bao gồm hệ thống nước sạch xã Cẩm Sơn; Hệ thống nước sạch xã Vĩnh Tuy; Hệ thống nước sạch xã Ngũ Hùng; Hệ thống nước sạch xã Tứ Cường, Đường ống trên tải D280 từ Văn Miếu Mao Điền đến Quán Gối; Hệ thống nước sạch xã Tráng Liệt; Hệ thống nước sạch liên xã Ninh Hải, Kiến Quốc, Hồng Phong, Hùng Phúc.

- Theo hợp đồng tín dụng số 01/2016- HĐTDDA/NHCT340-KDNS ngày 27/01/2016. Số tiền cam kết cho vay có tổng giá trị không vượt quá 25.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (theo Văn bản sửa đổi ngày 05/02/2016 thời gian ân hạn là 9 tháng). Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm. Mục đích của các khoản vay này là để bù đắp các chi phí đã phát sinh và vay thanh toán các chi phí mới để đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch các công trình vay vốn. Các điều khoản đảm bảo được quy định tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 18.01.16.071/HĐTC.

- Theo hợp đồng tín dụng số 02/2016- HĐTDDA/NHCT340-KDNS ngày 22/03/2016. Số tiền cam kết cho vay có tổng giá trị không vượt quá 20.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm. Mục đích của các khoản vay này là để bù đắp các chi phí đã phát sinh và vay thanh toán các chi phí mới để đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo danh sách các công trình vay vốn. Các điều khoản đảm bảo được quy định tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 300053570.2016.01/HĐTC.